

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HSST
Ngày 06 – 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Tùng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Đức

Ông Lưu Huy Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Kim Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:***

Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/HSST - QĐXX ngày 07/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐ - HPT ngày 23/8/2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên bị cáo thứ nhất: **Nguyễn Đức Nh**, sinh năm 1990, tại tỉnh Bình Phước, Hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Tổ 9, khu phố A, phường L, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Tên gọi khác: Út; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn Th (chết) và bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1957, trú tại tổ 9, khu phố A, phường L, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Tiền sự: Không; Tiền án: 02. Tại bản án số 22/2013/HSST ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 05/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xử phạt 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong các bản án nhưng chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên bị cáo thứ hai: **Nguyễn Anh H**, sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Tổ 2, khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Tên gọi khác: Hiền chó; Giới tính: Nam, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952, trú tại khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Vợ bị cáo tên Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1996 và 1 con sinh năm 2013. Tiền sự: Không; Tiền án: 4, Bản án số 09/2005/HSST ngày 01/3/2005 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử

phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, Bản án số 38/2007/HSST ngày 26/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 04/2009/HSST ngày 05/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh D, xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số 114/2014/HSST ngày 04/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N, xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong các bản án nhưng chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên bị cáo thứ ba: **Trương Huy H**, sinh năm 1981, tại tỉnh Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Tên gọi khác: Sói; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm vườn; Con ông Trương Văn Kh sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ng (chết). Bị cáo có vợ tên Vy Thị Ng và một người con sinh năm 2016. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Bị cáo đã ba lần bị kết án: Bản án số 49/2011/HSST ngày 20/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước, xử phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 17/2012/HSST ngày 23/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 11 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Bản án số 86/2013/HSST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong các bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên bị cáo thứ tư: **Trần Phương Đ**, sinh năm 1992, Tên gọi khác: Không; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không Trình độ học vấn: 12/12 nghề nghiệp: Làm vườn, con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Hồng T sinh năm 1966, trú tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Bị cáo có vợ tên Trần Ngọc T, sinh năm 1997 và con sinh năm 2015, Tiền sự, tiền án: Không, Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên bị cáo thứ năm: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Phước; Tên gọi khác: Bo; Hộ khẩu thường trú: Ấp Th, xã P, huyện L, tỉnh Bình Phước; Nơi ở: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1968. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/02/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Hoàng Hải Q, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 6, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước.
2. Ông Đào Chí Hương Ng, sinh năm 1971 (có mặt)
Trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.
3. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964 (có mặt)
Trú tại: Tổ 1, khu phố N, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước
4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967 (có mặt)
Trú tại: Tổ 1, khu phố H, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước
5. Ông Đặng Đức Th, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: Tổ 10, ấp Th, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước

6. Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Hải Tr, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 6, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Hải Tr là ông Hoàng Hải Q, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 6, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968, là vợ của ông Hoàng Hải Q (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: Tổ 1, ấp Ph, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

4. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1977 (có mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước

5. Ông Võ Minh Tr, sinh năm 1973 (có mặt)

Trú tại: Khu phố N, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Bà Nguyễn Thị Phẩm, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 9, khu phố P, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh H, Nguyễn Văn Hi và một người tên H chưa rõ nhân thân, lai lịch quen biết nhau, các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài nên rủ nhau đi tìm tài sản của người khác sơ hở để chiếm đoạt. Do đã thỏa thuận với nhau khi nhóm của Nh chiếm đoạt được xe thì điện thoại cho nhóm của H đến nhận xe mang đi tiêu thụ. Quá trình các bị cáo thực hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 00 phút, ngày 04/01/2018 Hi, H, Nh và Hi dùng điện thoại di động liên lạc với nhau. H điều khiển xe mô tô Exceter biển số 93E1-167.81 chở Hi đã được thay biển số 93F1-238.57, Hải điều khiển xe Exceter không rõ biển số của H chở Nh đi lòng vòng khu vực thị xã B tìm tài sản để chiếm đoạt. H đem theo một kìm cộng lực dài 50cm, Hiệp cầm một mỏ lết. Khi đi ngang qua nhà ông Hoàng Hải Q, tổ 6, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước, thấy đã đóng cổng hàng rào, không có người ở nhà. Tất cả dừng xe lại Hiền, Hải đứng ở ngoài cảnh giới còn Nh lấy kìm cộng lực từ Hải rồi cùng Hiệp đi vào trong nhà ông Q. Hi cắt khoá cổng, khoá cửa rồi vào nhà sử dụng đoạn bằng kim loại phá khóa xe mô tô nhãn hiệu Wave honda RSX màu đỏ, đen, biển số kiểm soát 93E1-156.63 dẫn ra. Nhân điều khiển xe vừa chiếm đoạt được còn Hải điều khiển Exceter chạy theo đến khu vực nhà thờ Phú Miêng, xã An Khương, huyện H, tỉnh Bình Phước giao xe cho Ho bán theo thỏa thuận trước đó. Khi Nhân điện thoại báo cho Ho biết đã chiếm đoạt xe mô tô thì Ho điện thoại cho Đ nói rõ sự việc. Đ đồng ý điều khiển xe Sirius biển số kiểm soát 93F1-127.61 của Đ chở Ho từ xã L, huyện L đến khu vực

nhà thờ Phú Miêng gặp Nh nhận xe. Nhân nói rõ nguồn gốc xe chiếm đoạt ở thị xã B cho Ho, Đ biết để đi tìm nơi bán xe không bị phát hiện. Ho điều khiển xe chiếm đoạt cùng Đ chạy đến khu vực biên giới Campuchia bán cho một người tên Lái được 12.000.000 đồng. Ho và Đ giữ lại 3.000.000 đồng chia đều nhau, số tiền còn lại giao cho Nh chia cho H, Hi, Ha. Tại kết luận định giá tài sản số 07 ngày 01/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B xác định xe mô tô Wave RSX biển số 93E1-156.63 đã qua sử dụng trị giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 09/01/2018 H, Hiệp, Nh, Ha chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future neo, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 59N2-744.17 của ông Đào Chí Hương Ng, tại tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Nh, Hải đi giao xe chiếm đoạt được cho Ho, Đ tại khu vực nhà thờ Phú Miêng. Ho, Đ đem xe bán xe cho Lái được 650USD đổi thành tiền Việt Nam được 13.000.000 đồng. Ho, Đ giữ lại 2.500.000 đồng, chia nhau, số còn lại giao cho Nh chia cho H, Hi, Ha mỗi người 2.500.000 đồng còn 500.000 đồng đổ xăng cho hai xe mô tô. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B xác định xe mô tô 59N2-744.17 trị giá 29.200.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ 00 phút, ngày 11/01/2018 H, Ha đứng ngoài cánh giới, Nh cầm bình xịt hơi cay, Hi cầm mỏ lết, kìm cộng lực phá khoá cửa chiếm đoạt một xe mô tô nhãn hiệu Wave apha màu xanh ngọc, biển số kiểm soát 93E1-181.77 của ông Nguyễn Đình T, tại tổ 1, khu phố N, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nh liên lạc với Ho để hẹn giao xe chiếm đoạt tại khu vực nhà thờ Phú Miêng. Ho điện thoại rủ Đ cùng đi nhận xe rồi đem bán cho Lái được 13.000.000 đồng. Hoàng, Đông giữ lại 3.000.000 đồng chia đôi, số còn lại giao cho Nhân chia cho H, Hi, Ha mỗi người 2.500.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B xác định xe mô tô 93E1-181.77 trị giá 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 20/01/2018 H, Ha đứng cạnh giới Hi, Nh đi vào trong dùng mỏ lết, kìm cộng lực, đoạn đem theo phá khoá cổng, cửa nhà ông Nguyễn Văn N, tại tổ 1 khu phố H, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước, chiếm đoạt một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exceter xanh, biển số kiểm soát 93P1-250.73. Nh, Ha đi giao xe chiếm đoạt cho Ho tại khu vực nhà thờ Phú Miêng. Ho điện thoại rủ Đ, H cùng đến nhận xe rồi đem bán xe cho Lái được 10.000.000 đồng. Ho, Đ giữ lại 2.000.000 đồng chia đôi, cho H 200.000 đồng, số còn lại giao cho Nh chia cho H, Hi, Ha. Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exceter xanh, biển số kiểm soát 93P1-250.73 giá trị 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 28/01/2018 H, Ha đứng ngoài cánh giới, Hi, Nh đi vào dùng mỏ lết, kìm cộng lực đem theo phá khoá cửa nhà ông Đặng Đức Th, tại tổ 10, ấp Th, xã L, thị xã B chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đen, biển số kiểm soát 93P2-039.43 do bà Nguyễn Thị Ph đứng tên. Nh liên lạc với Ho để hẹn giao xe chiếm đoạt tại khu vực nhà thờ Phú Miêng. Ho điện thoại rủ Đ cùng đi nhận xe rồi đem bán cho Lái được 9.000.000 đồng. Ho,

Đ giữ lại 3.000.000 đồng chia đôi, số còn lại giao cho Nh chia cho H, Hi, Ha. Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B xác định xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đen, biển số kiểm soát 93P2 - 039.43 là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Vụ thứ sáu: Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 30/01/2018 Hi cùng Ha, H, Nhân rủ nhau điều khiển hai xe Exceter đi từ thị xã B đến khu vực huyện B tìm tài sản để chiếm đoạt, khi đi có đem theo một kim cộng lực, một mỏ lết, một đoạn, một bình xịt hơi cay. Khi đến nhà bà Hồ Thị Kim H, tại ấp Tân Lập, xã T, huyện B thấy không có người trông coi. H, Ha đứng bên ngoài cảnh giới, Nh và Hi cầm mỏ lết, kim cộng lực, đoạn đi vào phá khoá cổng, cửa rồi vào trong nhà bà H. Hi sử dụng đoạn phá khoá 01 xe mô tô SH mode, màu xanh biển số 93G1-122.11 của bà H và một xe mô tô Future màu đỏ, đen biển số kiểm soát 93P1-899.84 ông Võ Minh Tr gửi tại nhà bà Hòa. Hiệp và Nhân dẫn xe ra rồi tắt cả điều khiển xe đến khu vực ấp Hiệp Tâm, xã L, huyện L giao cho Ho. Ho điện thoại nói Đ, H cùng đi nhận xe rồi đem bán cho Lái xe SH được 19.500.000 đồng, xe Future 15.000.000 đồng. Kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B xác định chiếc xe mô tô SH mode, biển số 93G1-122.11 là 36.050.000đ (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), chiếc xe Future màu đỏ, đen biển số kiểm soát 93P1-899.84 là 24.800.000đ (hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Vụ thứ bảy: Sau khi giao 02 xe chiếm đoạt ở huyện B, Hiền, Hiệp, Hải, Nhân điều khiển xe về khu vực thị xã B. Khoảng 4 giờ 00 phút, ngày 31/01/2018 khi đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị Thu H, tại tổ 9, khu phố P, phường T, thị xã B, Hi thấy nhà không có người trông coi. H, Ha đứng ngoài đường cảnh giới để Nh, Hi đi vào trong nhà dùng mỏ lết bẻ khoá cửa rồi dùng đoạn phá khoá xe hiệu Vision màu hồng, biển số kiểm soát 93E1-149.75 Nh điều khiển xe chiếm đoạt cùng Ha hẹn Ho giao xe tại khu vực cầu Cần Lê. Ho nói cho Đ, H biết vụ việc và nói Đ, H điều khiển xe Sirius của Đ đến điểm hẹn nhận xe Vision đem về bán cho Lái. Số tiền bán xe Vison được là 14.000.000 đồng. Bà Hg phát hiện bị mất xe liền điện thoại báo tin cho chồng tên Nguyễn Đức T hiện đang công tác tại Đoàn Biên phòng Tà Vát thuộc xã Lộc Thịnh, huyện L. Ông Tuấn được một người đàn ông người Campuchia không rõ nhân thân lai lịch giúp đỡ đi tìm và chuộc lại xe với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B xác định chiếc xe mô tô Vision 93E1-149.75 giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng). Bán được ba xem mô tô của lần thứ sáu và thứ bảy Ho chia cho H 1.000.000 đồng, Ho giữ lại 7.000.000 đồng, phần của Ho và Đ, số tiền còn lại đưa cho Nh chia cho Nh, Hi, Ha, H.

Vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra thu giữ các tài sản như sau: Nguyễn Anh H số tiền 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng và một điện thoại di động hiệu Nokia 1202); Nguyễn Đức Nh số tiền 590.000đ (năm trăm chín mươi nghìn đồng) và một điện thoại hiệu Nokia 1202); Trần Phương Đ một điện thoại di động hiệu OPPO và một xe mô tô biển số 93F1-12761; Nguyễn Văn H số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) và một điện thoại di động hiệu OPPO; Nguyễn Đức Nh một bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato và một biển số xe mô tô 93F1-238.57; Nguyễn

Văn Hi 02 kìm cộng lực bằng kim loại dài 50cm và 46cm. Đây là công cụ, phương tiện mà Nh, Hi, Ha, H, Ho, Đ, H sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 103 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Đối với một bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato, một biển số xe mô tô 93F1-238.57 và 02 kìm cộng lực bằng kim loại dài 50cm, 46cm do không còn giá trị sử dụng đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 điều 103 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe Exceter biển số 93E1-167.81 Nh sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thanh X, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Xuân.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong tám chiếc xe Nhân và đồng bọn chiếm đoạt của các bị hại, chiếc xe Vision của bà Hằng được tìm thấy chuộc lại với giá 20.000.000 đồng, bà Hằng yêu cầu các bị cáo bồi hoàn 20.000.000 đồng, tiền chuộc xe, các xe còn lại chưa thu hồi được, các bị hại khác yêu cầu được bồi thường giá trị xe theo quy định. Gia đình Nguyễn Đức Nh nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) để bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại.

Quá trình điều tra Ho ra đầu thú, Nh và đồng phạm đã thành khẩn khai báo khai thêm một số vụ chiếm đoạt xe, có sử dụng kìm cộng lực, đe dọa phá khóa xe.

Các đối tượng Nguyễn Văn Hi, một người tên Ha cùng tham gia thực hiện chiếm đoạt và người đàn ông tên Lái là người tiêu thụ tài sản. Hiện nay, Cơ quan điều tra đang xác minh, truy tìm làm rõ vụ việc và sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS - HS ngày 03/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Nh và Nguyễn Anh H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, g khoản 02 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trương Huy H và Trần Phương Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 02 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo; Nguyễn Đức Nh mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù, Nguyễn Anh H mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù, Trương Huy H mức án từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, Trần Phương Đ mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù và Nguyễn Văn H mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã B, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy

tổ, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do quen biết Nh và Ho các bị cáo đã có sự trao đổi với nhau và thống nhất thực hiện. Sau khi nhóm của Nh trộm cắp được xem mô tô Nh điện thoại giao cho Ho cùng Đ và H mang xe qua Campuchia bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Ngày 04/01/2018 các bị cáo Nguyễn Đức Nh cùng Nguyễn Anh H, Nguyễn Văn Hi và một người có tên Ha liên lạc bằng điện thoại, sau đó tập trung và thực hiện chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Wave honda RSX màu đỏ, đen, biển số kiểm soát 93E1-156.63 của gia đình ông Hoàng Hải Q, tại tổ 6, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước, do ông Ho Ha Tr là con của ông Q đứng tên chủ sở hữu. Chiếm đoạt được xe mô tô Nh điện thoại thông báo cho Ho biết đến tại khu vực nhà thờ Phú Miêng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước để giao nhận xe mang đi tiêu thụ. Ho điện thoại thông báo vụ việc cho Đ và Đ đồng ý cùng Ho thực hiện nhận và mang xe do nhóm của Nh trộm cắp được đem sang Campuchia bán cho một người tên Lái lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trị giá xe mô tô 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Đến khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 09/01/2018, H, Hi, Nh, Ha chiếm đoạt một xe mô tô Honda Future neo, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 59N2-744.17 của ông Đào Chí Hương Ng, tại tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Nh, Ha đi giao xe cho Ho, Đ tại khu vực nhà thờ Phú Miêng. Ho, Đ bán xe cho Lái được 13.000.000 đồng, trị giá xe mô tô 29.200.000 đồng. Đến khoảng 00 giờ 00 phút, ngày 11/01/2018 H, Ha đứng ngoài cảnh giới, Nh cùng Hi chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình T một xe mô tô nhãn hiệu Wave apha màu xanh ngọc, biển số kiểm soát 93E1-181.77, tại tổ 1, khu phố N, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Nh giao xe cho Ho và Đ đem bán cho Lái được 13.000.000 đồng, trị giá chiếc xe 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Đến khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 20/01/2018 H, Ha đứng cảnh giới Hi, Nh đi vào chiếm đoạt một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exceter xanh, biển số kiểm soát 93P1-250.73 trong nhà ông Nguyễn Văn N, tại tổ 1 khu phố H, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước, Nh, Ha giao xe cho Ho, Đ và H cùng đến nhận xe đem bán cho Lái được 10.000.000 đồng, trị giá chiếc xe 19.000.000đ (mười chín triệu đồng). Đến khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 28/01/2018 H, Ha đứng ngoài cảnh giới, Hiệp, Nhân đi vào nhà ông Đặng Đức Th, tọa lạc tại tổ 10, ấp Th, xã L, thị xã B chiếm đoạt một xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đen, biển số kiểm soát 93P2-039.43. Nh giao xe cho Ho và Đ đem bán cho Lái được 9.000.000 đồng, trị giá xe mô tô 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Đến khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 30/01/2018 Hi cùng Ha, H, Nh chiếm đoạt một xe mô tô SH mode, màu xanh, biển số 93G1-122.11 của bà Hồ Thị Kim H và một xe mô tô Future màu đỏ, đen biển số kiểm soát 93P1-899.84 ông Võ Minh Tr gửi tại nhà chị H, tại ấp Tân Lập, xã T, huyện B. Nhân giao xe cho Ho, Đ và H đem bán cho Lái chiếc xe SH mode 93G1-122.11 được 19.500.000 đồng, xe Future 15.000.000 đồng. Trị giá chiếc xe mô tô SH

mode biển số 93G1-122.11 là 36.050.000đ (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); chiếc xe Future màu đỏ, đen biển số kiểm soát 93P1-899.84 là 24.800.000đ (hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó các bị cáo tiếp tục chiếm đoạt chiếc xe Vision màu hồng, biển số kiểm soát 93E1-149.75 của bà Nguyễn Thị Thu H, trú tại tổ 9, khu phố P, phường T, thị xã B. Nhân, Hải giao xe cho Hoàng thông qua Đ và H tại khu vực cầu Cần Lê giáp ranh địa bàn huyện L và thị xã B sau đó Ho, Đ và H bán cho Lái xe Vison được 14.000.000 đồng, giá trị xe mô tô Vision giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Giá trị tài sản các bị cáo Nh, H, Ho và Đ chiếm đoạt là 174.050.000 đồng, bị cáo H tham gia ba vụ bốn chiếc xe giá trị tài sản là 102.850.000 đồng, theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B. Đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 02 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, ngoài ra bị cáo Nh đang có hai tiền án, bị cáo H đang có bốn tiền án chưa được xóa án tích lần nay tiếp tục phạm tội các bị cáo Nh và H còn phải chịu tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 02 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Biết rõ trộm cắp tài sản là hành vi trái pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn thực hiện, thể hiện tính coi thường pháp luật của các bị cáo nên phải chịu trách nhiệm do mình gây ra. Vụ án có nhiều đồng phạm nhưng do đã biết nhau từ trước nên các bị cáo dùng điện thoại thông báo cho nhau cùng nhau đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đi gặp trường hợp nào thì thực hiện, không tính toán, không có sự phân công trước khi thực hiện cho nên không mang tính tổ chức. Đối với các bị cáo H, Nh, Ho và Đ nghề nghiệp làm thuê và thực hiện hành vi phạm tội trên năm lần nhưng các bị cáo chiếm đoạt tài sản bán chia nhau tiêu xài vào mục đích cá nhân không phải sử dụng vào nguồn sống chính, bị cáo H tham gia ba lần cùng với Ho và Đ tiêu thụ bốn chiếc xe nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, ngoài ra còn phải chịu trách nhiệm của mình về vai trò đồng phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nh là người trực tiếp cùng với đối tượng tên Hi thực hiện việc cạy cửa, phá ổ khóa và chiếm đoạt tài sản xe mô tô sau đó Nh trực tiếp điện thoại liên lạc với Ho đến nhận xe đem đi tiêu thụ. Bị cáo Nh có nhân thân xấu đã có hai tiền án. Bản án số 22/2013/HSST ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt Nguyễn Đức Nh 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại bản án số 05/2016/HSST ngày 19/01/2016 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xử phạt Nguyễn Đức Nh 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong các bản án nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi

phạm tội liên tiếp gây ra nhiều vụ án tổng thiệt hại cho các bị hại mà các bị cáo gây ra theo kết luận Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 174.050.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo được hưởng lợi khoảng 20.000.000 đồng. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình gây ra.

Bị cáo H là đồng phạm giúp sức tích cực, đứng cảnh giới cho các đồng phạm khác thực hiện việc chiếm đoạt xe mô tô đem bán chia nhau tiêu xài. Bị cáo H có nhân thân xấu đã có bốn tiền án. Bản án số 09/2005/HSST ngày 01/3/2005 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt Nguyễn Anh H 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 38/2007/HSST ngày 26/03/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long nay là thị xã B, tỉnh Bình Phước, xử phạt Nguyễn Anh H 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 04/2009/HSST ngày 05/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh D xử phạt Nguyễn Anh H 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và bản án số 114/2014/HSST ngày 04/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh N xử phạt Nguyễn Anh H 2 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong các bản án nhưng chưa được xóa án tích nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nhưng trong các lần phạm tội bị cáo chiếm đoạt tài sản bán kiến tiền tiêu xài cá nhân không lấy đó làm nguồn sống chính nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mình gây ra. Vai trò của bị cáo H trong vụ án tham gia tích cực, hưởng lợi ngang với bị cáo Nh nhưng bị cáo đã có bốn tiền án nhưng vẫn không biết tu tâm, tu chí phải xử mức án cao hơn so với bị cáo Nh và các bị cáo khác mới đủ tính nghiêm minh.

Bị cáo Ho tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong việc tiêu thụ xe mô tô do nhóm của Nh trộm cắp giao cho Ho đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bị cáo có nhân thân xấu đã ba lần bị kết án. Bản án số 49/2011/HSST ngày 20/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước, tuyên phạt Trương Huy H phạm tội "Trộm cắp tài sản", Bản án số 17/2012/HSST ngày 23/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tuyên phạt Trương Huy H 11 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Bản án số 86/2013/HSST ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt Trương Huy H 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong các bản án và đã được xóa án tích. Lẽ ra bị cáo phải biết tu tâm, tu chí làm ăn lương thiện nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Ho đã có sự thỏa thuận với bị cáo Nh về việc tiêu thụ xe cho nhóm của Nh trộm cắp được thì Ho sẽ mang đi tìm nơi tiêu thụ. Chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tiếp tám xe mô tô mà Nhân cùng đồng bọn chiếm đoạt giao cho Ho cùng đồng bọn mang tiêu thụ, lấy tiền chia nhau tiêu xài. Số tiền trong các lần mà bị cáo tham gia theo kết luận Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 174.050.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Ho được hưởng lợi khoảng 12.000.000 đồng. Ngoài ra bị cáo Ho còn là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Đ và bị cáo H tham gia thực hiện tội phạm cho nên phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo Đ và bị cáo H.

Bị cáo Đ tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức tiêu thụ xe mô tô do nhóm của Nh trộm cắp sau đó cùng Ho đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vai trò của bị cáo tham gia trong vụ án này là có sự thỏa thuận với bị cáo Nh và Ho về việc nhóm của Nh trộm cắp được tài sản thì Ho và Đ sẽ mang đi tìm nơi tiêu thụ là đồng phạm trong việc tiêu thụ tài sản. Chỉ trong một thời gian ngắn các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tiếp tám xe mô tô mà nhóm của Nhân chiếm đoạt còn Đ, Ho và H mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, số tiền trong các lần mà bị cáo tham gia theo kết luận Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 174.050.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo được hưởng lợi bằng với số tiền của Ho. Nên bị cáo Đ phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo Hiếu.

Bị cáo H tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức trong việc cùng Ho và Đ mang xe đi tiêu thụ, bị cáo tham gia tiêu thụ bốn chiếc xe mô tô và được hưởng lợi 1.200.000 đồng, thấp hơn so với các bị cáo khác nên mức án thấp hơn.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi sai trái của mình chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp, bị cáo hứa chấp hành tốt và không tái phạm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của các bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình chung của xã hội, gây mất an ninh trật tự. Cần phải có một mức án tương xứng đối với từng hành vi của mỗi bị cáo, nhằm răn đe đối với các bị cáo đồng thời giáo dục, phòng ngừa chung. Cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, rèn luyện trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình các bị cáo Nh, H, Ho, Đ và H đã giao nộp số tiền 25.000.000 đồng, thay các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 01 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo Ho ra đầu thú, bị cáo Hiền có mẹ già cần có người chăm sóc, phụng dưỡng và cậu ruột của bị cáo là người có công với cách mạng, các bị cáo Đ và H chưa có tiền án, tiền sự cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm cho một phần hình phạt lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Đại diện Viện kiểm sát đề xuất mức án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra thu giữ các tài sản như sau:

Đối với số tiền 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Anh H, 590.000đ (năm trăm chín mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Nh, là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Văn H trong đó có 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, 500.000 đồng là tài sản riêng của bị cáo cần quản thủ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với một bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato, một biển số xe mô tô 93F1-238.57 và 02 kìm cộng lực bằng kim loại dài 50cm, 46cm do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với một điện thoại di động hiệu Nokia 1202 của bị cáo Nguyễn Anh H, một điện thoại hiệu Nokia 1202 của bị cáo Nhân, một điện thoại hiệu OPPO và một xe mô tô biển số 93F1-12761 của bị cáo Trần Phương Đ, một điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Nguyễn Văn H là công cụ, phương tiện sử dụng vào mục đích phạm tội cần tịch thu bán nộp vào ngân sách Nhà nước.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình của các bị cáo đã giao nộp tổng số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) thay các bị cáo để khắc phục hậu quả cho các bị hại trong đó gia đình của Nguyễn Đức Nh nộp 5.000.000 đồng, gia đình của Nguyễn Anh H nộp 5.000.000 đồng, gia đình của Nguyễn Văn H nộp 5.000.000 đồng, gia đình của Trương Huy H nộp 5.000.000 đồng và gia đình của Trần Phương Đ nộp 5.000.000 đồng, cần quản thủ để thi hành bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh H, Trương Huy H, Trần Phương Đ và Nguyễn Văn H đã thỏa thuận với các bị hại về việc bồi thường thiệt hại. Đối với trường hợp ông Nguyễn Hải Q là đại diện cho ông Nguyễn Hải Tr và bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng các bị cáo thống nhất mức bồi thường giá trị tài sản thiệt hại cho ông Tr và bồi hoàn cho bà Hg Sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại của các bị cáo với các bị hại là phù hợp theo quy định tại các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự và phù hợp mức bồi thường được Hội đồng xét xử ghi nhận như sau:

- Bị cáo Nguyễn Đức Nh có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Đức Tr (con của ông Hoàng Hải Q) 5.000.000đ (năm triệu đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Đặng Đức Th 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 5.000.000 đồng, bồi thường cho ông Võ Minh Tr 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo Nh phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 48.150.000 đồng, trong đó gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 43.150.000đ (bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Anh H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Hải Tr 5.000.000đ (năm triệu đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 8.000.000đ (tám triệu đồng) bồi thường cho ông Đặng Đức Th 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 5.000.000đ (năm triệu đồng), bồi thường cho ông Võ Minh Tr 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 10.000.000đ (mười triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo H phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 47.900.000 đồng, trong đó gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 42.900.000đ (bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trương Huy H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Hải Tr (con của ông Hoàng Hải Q) 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đặng Đức Th 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Võ Minh Tr 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo Ho phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 32.500.000 đồng, trong đó gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 27.500.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Phương Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Hải Tr (con của ông Hoàng Hải Q) 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đặng Đức Th 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Võ Minh Tr 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 5.000.000đ (năm triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo Đ phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 31.500.000 đồng, trong đó gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 2.000.000đ (hai triệu đồng), bồi thường cho ông Võ Văn Triều 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 5.000.000đ (năm triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo H phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 14.000.000 đồng, trong đó gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng và 500.000 đồng thu giữ của bị cáo, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Các đối tượng tên Nguyễn Văn Hi, tên Ha cùng tham gia thực hiện chiếm đoạt tài sản và tên Lái là người tiêu thụ tài sản. Cơ quan điều tra đang xác minh, truy tìm làm rõ xử lý sau.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh H, Trương Huy H, Trần Phương Đ và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nh chịu 2.157.500đ (hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng), H chịu 2.145.000đ (hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), Ho chịu 1.375.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), Đ chịu 1.325.000đ (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và Nguyễn Văn H chịu 425.000đ (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh H, Trương Huy H, Trần Phương Đ và Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm c, g khoản 2 Điều 173, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 01 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt: Nguyễn Đức Nh 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/02/2018).

- Căn cứ vào điểm c, g khoản 02 Điều 173, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt: Nguyễn Anh H 3(ba) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/02/2018).

- Căn cứ vào điểm c khoản 02 Điều 173, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt: Trương Huy H 3 (ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 10/6/2018).

- Căn cứ vào điểm c khoản 02 Điều 173, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt: Trần Phương Đ 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/02/2018).

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 17, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Xử phạt: Nguyễn Văn H 2 (hai) năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/02/2018).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, bồi hoàn cho các bị hại cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Đức Nh có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Đức Tr (con của ông Hoàng Hải Q) 5.000.000đ (năm triệu đồng), bồi thường cho ông Đào

Chí Hương Ng 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Đặng Đức Th 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 5.000.000 đồng, bồi thường cho ông Võ Minh Tr 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo Nh phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 48.150.000 đồng, gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 43.150.000đ (bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Anh H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Hải Tr 5.000.000đ (năm triệu đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 8.000.000đ (tám triệu đồng) bồi thường cho ông Đặng Đức Th 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 5.000.000đ (năm triệu đồng), bồi thường cho ông Võ Minh Tr 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 10.000.000đ (mười triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo H phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 47.900.000 đồng, gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 42.900.000đ (bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trương Huy H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Hải Tr (con của ông Hoàng Hải Q) 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đặng Đức Th 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Võ Minh Tr 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo Ho phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 32.500.000 đồng, gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 27.500.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Phương Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Hoàng Hải Tr (con của ông Hoàng Hải Q) 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đào Chí Hương Ng 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đình T 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đặng Đức Th 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Võ Minh Tr 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 5.000.000đ (năm triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo Đông phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 31.500.000 đồng, gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 2.000.000đ (hai triệu đồng), bồi thường cho ông Võ Văn Tr 4.000.000đ (bốn triệu đồng), bồi thường cho bà Hồ Thị Kim H 5.000.000đ (năm triệu đồng) và bồi hoàn cho bà Nguyễn Thị Thu H 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo H phải bồi thường, bồi hoàn cho các bị hại là 14.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã giao nộp 5.000.000 đồng và 500.000 đồng thu giữ của bị cáo, số tiền còn phải bồi thường, bồi hoàn là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 103 Bộ luật tố tụng hình sự:

a. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

Số tiền 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Anh H, 590.000đ (năm trăm chín mươi nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Nh và của bị cáo 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) của Nguyễn Văn H là tiền thu lợi bất chính.

b. Tịch thu bán nộp ngân sách Nhà nước:

Một điện thoại di động hiệu Nokia 1202 của bị cáo Nguyễn Anh H, một điện thoại hiệu Nokia 1202 của bị cáo Nguyễn Đức Nh, một điện thoại hiệu OPPO và một xe mô tô biển số 93F1-12761 của bị cáo Trần Phương Đ, một điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo Nguyễn Văn H là công cụ, phương tiện sử dụng vào mục đích phạm tội.

c. Quản thủ để đảm bảo Thi hành án cho các bị hại số tiền sau:

- Số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) là tài sản của Nguyễn Văn H.
- Số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), gia đình các bị cáo Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh H, Trương Huy H, Trần Phương Đ và Nguyễn Văn H đã giao nộp để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại.

d. Tịch thu tiêu hủy: Một bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato, một biển số xe mô tô 93F1-238.57 và hai cây kim cộng lực bằng kim loại dài 50cm, 46cm không còn giá trị sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo Nguyễn Đức Nh, Nguyễn Anh H, Trương Huy H, Trần Phương Đ và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đức Nh chịu 2.157.500đ (hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng), Nguyễn Anh H chịu 2.145.000đ (hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), Trương Huy Ho chịu 1.375.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), Trần Phương Đ chịu 1.325.000đ (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và Nguyễn Văn H chịu 425.000đ (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi Cục THA DSTX Bình Long;
- Phòng PV27 – CAT Bình Phước;
- Bị cáo, bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Tùng